TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 10 tháng 01 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Trịnh Trí T,** sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: Tổ 45, phường A, quận S, TP Đà Nẵng.

* Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm: 1979.

Nơi cư trú:, Tổ 45, phường A, quận S, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẩn và kéo dài cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẩn là do quan điểm sống và tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã có lời qua tiếng về từ việc nhỏ cho đến việc lớn, nói năng xúc phạm nhiều điều, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H xác định có 01 con chung là Trịnh Tiến T, sinh ngày 28/12/2010. Ly hôn, ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H thống nhất thỏa thuận giao con chung Trịnh Tiến T cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Trịnh Trí T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Các vấn đề khác: Ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 008283 ngày 16/12/2019.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H (Giấy chứng nhận kết hôn số 61, Quyển số 01 ngày 29/5/2010, Ủy ban nhân dân phường A, quận S, TP. Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H về việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung Trịnh Tiến T, sinh ngày 28/12/2010 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Trịnh Trí T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H xác định không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H xác định không có nợ chung.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Trịnh Trí T và bà Trần Thị Thu H mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 008283 ngày 16/12/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường A, quận S;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TÔ THỊ THY TUYẾT